

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
(SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

- Tháng 07/2024 -

MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	1
ĐIỀU 1: TÊN VÀ HÌNH THỨC DOANH NGHIỆP	1
ĐIỀU 2: TRỤ SỞ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	1
ĐIỀU 3: TƯ CÁCH PHÁP LÝ	2
ĐIỀU 4: MỤC TIÊU THÀNH LẬP, CHỨC NĂNG VÀ PHẠM VI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	2
ĐIỀU 5: THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG.....	4
ĐIỀU 6: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY	5
CHƯƠNG II QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	5
ĐIỀU 7: QUYỀN CỦA CÔNG TY.....	5
ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	6
CHƯƠNG III VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ TỨC	6
Mục 1: VỐN	6
ĐIỀU 9: VỐN ĐIỀU LỆ	7
ĐIỀU 10: TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ	8
Mục 2: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	8
ĐIỀU 11: CỔ PHẦN.....	8
ĐIỀU 12: HÌNH THỨC CỔ PHIẾU	9
ĐIỀU 13: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG	9
ĐIỀU 14: CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....	10
ĐIỀU 15: THỪA KẾ CỔ PHẦN	11
Mục 3: CỔ ĐÔNG	12
ĐIỀU 16: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG.....	12
ĐIỀU 17: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG.....	12
ĐIỀU 18: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG	13
Mục 4: CỔ TỨC	13

ĐIỀU 19: TRẢ CỔ TỨC.....	13
ĐIỀU 20: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ TỨC	14
Mục 5: MUA LẠI CỔ PHẦN	14
ĐIỀU 21: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG	14
ĐIỀU 22: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY	14
ĐIỀU 23: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN MUA LẠI	15
ĐIỀU 24: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI	15
CHƯƠNG IV TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT	16
Mục 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
ĐIỀU 25: CÁC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
ĐIỀU 26: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	16
ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN	17
ĐIỀU 28: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG.....	18
ĐIỀU 29: THỂ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	18
ĐIỀU 30: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	19
ĐIỀU 31: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
ĐIỀU 32: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	20
ĐIỀU 33: VIỆC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
ĐIỀU 34: THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	21
ĐIỀU 35: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	22
ĐIỀU 36: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
Mục 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
ĐIỀU 37: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
ĐIỀU 38: TIÊU CHUẨN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ... ..	23
ĐIỀU 39: NHIỆM KỶ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24

ĐIỀU 40: QUYỀN HẠN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	24
ĐIỀU 41: TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
ĐIỀU 42: HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
ĐIỀU 43: CÁC TRƯỜNG HỢP MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
ĐIỀU 44: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
ĐIỀU 45: QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	30
Mục 3: BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC	30
ĐIỀU 46: BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	30
ĐIỀU 47: GIÁM ĐỐC	31
ĐIỀU 48: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC.....	31
ĐIỀU 49: TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN GIÁM ĐỐC	33
ĐIỀU 50: ỦY QUYỀN, ỦY NHIỆM.....	34
ĐIỀU 51: TỪ NHIỆM VÀ ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH GIÁM ĐỐC	34
Mục 4: BAN KIỂM SOÁT.....	34
ĐIỀU 52: BAN KIỂM SOÁT	34
ĐIỀU 53: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	35
ĐIỀU 54: NHIỆM KỶ CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	35
ĐIỀU 55: TỪ CHỨC, TỪ NHIỆM VÀ MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	36
ĐIỀU 56: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT	36
Mục 5: QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	38
ĐIỀU 57: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	38
ĐIỀU 58: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT.....	38
ĐIỀU 59: CHẾ ĐỘ VÀ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG	39
CHƯƠNG V CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ.....	40
ĐIỀU 60: HẠCH TOÁN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH.....	40
ĐIỀU 61: CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN	41

ĐIỀU 62: LỢI NHUẬN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ	41
ĐIỀU 63: XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KINH DOANH THUA LỖ.....	42
ĐIỀU 64: KIỂM TOÁN TỪ BÊN NGOÀI	42
ĐIỀU 65: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN.....	42
CHƯƠNG VI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG	43
ĐIỀU 66: TỔ CHỨC LẠI	43
ĐIỀU 67: GIẢI THỂ	43
ĐIỀU 68: THỦ TỤC GIẢI THỂ	43
ĐIỀU 69: THANH LÝ	44
ĐIỀU 70: TỐ TỤNG, TRANH CHẤP	443
CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUI ĐỊNH KHÁC ...	44
ĐIỀU 71: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	44
ĐIỀU 72: CON DẤU	45
ĐIỀU 73: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	45
ĐIỀU 74: NGÀY HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	45

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: TÊN VÀ HÌNH THỨC DOANH NGHIỆP

1.1 Tên doanh nghiệp

Tên giao dịch tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
Tên tiếng Anh: PETEC LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: PETEC LOGISTICS
Biểu tượng của Công ty: Sử dụng biểu tượng của Công ty PETEC và bổ sung phần bên dưới của biểu tượng dòng chữ "PETEC LOGISTICS"

1.2 Hình thức doanh nghiệp:

Công ty cổ phần Kho vận PETEC là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 2: TRỤ SỞ VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

2.1 Trụ sở chính của Công ty

Địa chỉ: Lô G1, G2, G6, G7 - đường N3, N4, D2 - KCN Nam Tân Uyên, Phường Khánh Bình, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại: 028.39971936
Fax: 028.39971940
Website: <https://peteclogistics.com.vn>

Địa chỉ chi nhánh và các đơn vị trực thuộc:

1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Petec
 - Địa chỉ: 81/15 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - Mã số chi nhánh: 3700791715-004
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Kho vận Petec – Chi nhánh Bình Dương:
 - Địa chỉ: 308/4 đường ĐT747B, Phường Khánh Bình, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
 - Mã số chi nhánh: 3700791715-008
3. Công ty Cổ phần Kho vận Petec – Chi nhánh Bến Tre:
 - Địa chỉ: Ấp Phước Thành (Thửa đất số 101, Tờ bản đồ số 07), Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
 - Mã số chi nhánh: 3700791715-010

- 2.2 Trụ sở chính có thể di dời đi nơi khác bằng quyết định của Đại hội đồng cổ đông (nếu chuyển đến tỉnh, thành phố khác) hoặc bằng quyết định của Hội đồng quản trị (nếu chuyển đến địa điểm khác trong thành phố/tỉnh ...) và phải đăng ký với cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.
- 2.3 Các chi nhánh, văn phòng đại diện ... được thành lập hoặc giải thể do Giám đốc công ty trình và Hội đồng quản trị quyết định.
- 2.4 Phạm vi hoạt động: Trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

ĐIỀU 3: TƯ CÁCH PHÁP LÝ

- 3.1 Công ty cổ phần Kho vận PETEC là một doanh nghiệp được thành lập hợp pháp dưới hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp quy có liên quan, chịu sự quản lý của các cơ quan có thẩm quyền theo luật định.
- 3.2 Công ty cổ phần Kho vận PETEC là một công ty cổ phần trong đó vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần do các cổ đông cùng góp vốn đầy đủ, cùng chia nhau lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi phần vốn của mình đã góp vào Công ty bằng giá trị cổ phần mình sở hữu.
- 3.3 Công ty cổ phần Kho vận PETEC là một tổ chức kinh tế độc lập:
 1. Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo luật định kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 2. Có con dấu riêng; được mở tài khoản tại các ngân hàng thương mại trong và ngoài nước theo luật định.
 3. Có tài sản riêng - có Bảng cân đối kế toán riêng - tự chủ về mặt tài chính, hạch toán kinh tế độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả mọi hoạt động kinh doanh và được lập các quỹ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 4. Có quyền tự quyết định một cách độc lập trong quá trình hoạt động của Công ty, có quyền tự mình tham gia các quan hệ pháp luật.

ĐIỀU 4: MỤC TIÊU THÀNH LẬP, CHỨC NĂNG VÀ PHẠM VI NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- 4.1 Công ty cổ phần Kho vận PETEC được thành lập nhằm:

1. Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các cổ đông để tối đa hóa lợi nhuận của Công ty, nhằm gia tăng lợi tức cho các cổ đông và tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
2. Thông qua quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Công ty góp phần đem lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển địa phương, đóng góp tích cực cho Ngân sách nhà nước.

4.2 Công ty cổ phần Kho vận PETEC có chức năng và phạm vi ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)
01	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
02	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ đại lý vận tải đường biển	5229
03	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
04	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến	4663
05	Xây dựng nhà các loại	4100
06	Kho bãi và lưu trữ hàng hóa (trừ than đá)	5210
07	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
08	Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn cà phê, chè, thủy sản	4632
09	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
10	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
11	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng. Kinh doanh bất động sản.	6810
12	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

13	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
14	Bán mô tô, xe máy	4541
15	Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: bán buôn sắt thép	4662
16	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã)	4620
17	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn cao su.	4669
18	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc	4641
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
20	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu (không hoạt động tại địa điểm trụ sở chính)	4773
21	Bán buôn gạo	46310
22	Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Chi tiết: Bán buôn phân bón	46691
23	Xay sát và sản xuất bột thô	1061
24	Dịch vụ đóng gói (trừ thuốc bảo vệ thực vật) (không đóng gói tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch)	8292
25	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: chế biến cà phê các loại (không chế biến tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch)	1079

ĐIỀU 5: THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG

1. Hoạt động của Công ty bắt đầu kể từ ngày được cấp giấy phép kinh doanh với thời hạn không xác định trừ khi buộc phải giải thể hay phá sản hoặc tổ chức lại.
2. Thời gian hoạt động có thể rút ngắn tùy thuộc quyết định của Đại hội đồng cổ đông và tiến hành các thủ tục theo pháp luật quy định.

ĐIỀU 6: NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

- 6.1 Công ty hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật.
- 6.2 Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông.
- 6.3 Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để lãnh đạo giữa 2 kỳ Đại hội, bầu Ban kiểm soát để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty.
- 6.4 Điều hành hoạt động của Công ty là Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm.
- 6.5 Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và các quy định của ĐCSVN. Tổ chức Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác trong Công ty hoạt động theo đúng Hiến pháp và pháp luật.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 7: QUYỀN CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Kho vận PETEC có các quyền cơ bản theo luật định như sau:

- 7.1 Chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản của Công ty;
- 7.2 Chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn đầu tư, kể cả liên doanh, góp vốn vào doanh nghiệp khác, chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh;
- 7.3 Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng;
- 7.4 Lựa chọn hình thức và cách thức huy động vốn. Công ty có quyền phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- 7.5 Kinh doanh các ngành nghề Nhà nước không cấm;
- 7.6 Tuyển, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh;

- 7.7 Tự chủ kinh doanh, chủ động áp dụng phương thức quản lý khoa học, hiện đại để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;
- 7.8 Các quyền khác do pháp luật quy định.

ĐIỀU 8: NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

- 8.1 Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký;
- 8.2 Lập sổ kế toán, ghi chép sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và lập báo cáo tài chính trung thực, chính xác;
- 8.3 Đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- 8.4 Bảo đảm chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký;
- 8.5 Kê khai và định kỳ báo cáo chính xác, đầy đủ các thông tin về Công ty và tình hình tài chính của Công ty với cơ quan chức năng; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo là không chính xác, không đầy đủ hoặc giả mạo thì phải kịp thời hiệu đính lại các thông tin đó với cơ quan chức năng;
- 8.6 Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, đảm bảo quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; tôn trọng quyền tổ chức Công đoàn theo pháp luật về công đoàn;
- 8.7 Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh;
- 8.8 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ TỨC

Mục 1: VỐN

ĐIỀU 9: VỐN ĐIỀU LỆ

- 9.1 Vốn điều lệ của Công ty được góp bằng tiền hoặc bằng hiện vật và được hạch toán, theo dõi theo một đơn vị thống nhất là Đồng Việt Nam (ĐVN).
- 9.2 Vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 71.925.500.000 ĐVN (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng) do các cổ đông của Công ty góp.
- 9.3 Vốn góp mua cổ phần, trái phiếu của Công ty có thể mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh của Công ty và phải được thanh toán đủ một lần. Giá trị tất cả các tài sản góp vốn này đều phải được tính giá thành tiền Việt Nam tại thời điểm góp vốn.
- 9.3.1 Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do Hội đồng quản trị và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế của tài sản đó tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, thành viên Hội đồng quản trị cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.
- 9.3.2 Những người định giá nêu trên phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác đối với giá trị tài sản góp vốn theo luật định.
- 9.4 Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông đóng góp tự nguyện, mỗi cổ đông hoàn toàn chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của mình. Công ty không chịu trách nhiệm về nguồn gốc vốn đóng góp của các cổ đông.
- 9.5 Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho các hoạt động kinh doanh như:
1. Mua sắm các loại tài sản cố định để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty;
 2. Phát triển kỹ thuật nghiệp vụ;
 3. Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh;
 4. Các dự trữ cần thiết về động sản, bất động sản;
 5. Kinh doanh theo nội dung chức năng hoạt động của Công ty.

9.6 Không sử dụng vốn điều lệ để chia lợi tức cổ phần cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác và không trái luật).

ĐIỀU 10: TĂNG, GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

10.1 Vốn điều lệ của Công ty có thể được điều chỉnh theo sát tình hình từng thời kỳ hoạt động của Công ty để đáp ứng yêu cầu kinh doanh và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông. Mọi hình thức tăng hay giảm vốn điều lệ phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp nhận và được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật.

10.2 Tăng vốn:

Khi có nhu cầu mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty có thể tăng vốn theo các hình thức sau đây:

10.2.1 Tái đầu tư một phần hay toàn bộ lợi nhuận chưa phân phối;

10.2.2 Chuyển các quỹ dự trữ, quỹ tích lũy thành vốn điều lệ;

10.2.3 Tăng thêm vốn cổ phần bằng cách phát hành thêm cổ phiếu mới. Việc phát hành cổ phiếu mới để mở rộng sản xuất kinh doanh phải được sự chấp thuận của các cổ đông đại diện cho ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự đại hội tán thành.

10.3 Giảm vốn:

Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

10.3.1 Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

10.3.2 Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020;

10.3.3 Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp 2020.

Mục 2: CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

ĐIỀU 11: CỔ PHẦN

11.1 Vốn điều lệ của Công ty được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần.

- 11.2 Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 71.925.500.000 ĐVN (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam) được chia thành 7.192.550 cổ phần (Bảy triệu một trăm chín mươi hai ngàn năm trăm năm mươi cổ phần). Giá trị của 01 cổ phần (mệnh giá) là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).
- 11.3 Tất cả những cổ phần này đều là cổ phần phổ thông, có quyền biểu quyết, có giá trị ngang nhau về mọi mặt.
- 11.4 Việc đăng ký mua cổ phần được xác nhận bằng một tờ phiếu có chữ ký người mua hoặc của người được ủy nhiệm mua. Nội dung tờ phiếu theo luật định.

ĐIỀU 12: HÌNH THỨC CỔ PHIẾU

- 12.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty.
- 12.2 Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính. Mọi cổ phiếu của Công ty được xem là hợp lệ khi cổ phiếu do chính Công ty phát hành, có ghi rõ và đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định ở Điều 121 của Luật Doanh nghiệp 2020.

ĐIỀU 13: SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

- 13.1 Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, dữ liệu điện tử hoặc cả hai.
- Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
1. Tên, trụ sở của Công ty;
 2. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 3. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 4. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 13.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- 13.3 Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với công ty để công ty hỗ trợ cập nhật thông tin cổ đông với Tổng Công ty Lưu

ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

ĐIỀU 14: CHÀO BÁN VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 14.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - 14.1.1 Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - 14.1.2 Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
 - 14.1.3 Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và người bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán.
- 14.2 Cổ phần được bán hay cổ phần được chuyển nhượng khi ghi đúng và đủ những thông tin theo quy định tại Điều 121 của Luật Doanh nghiệp 2020, kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần hay người được chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.
- 14.3 Sau khi thanh toán đầy đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.
- 14.4 Thủ tục và trình tự chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 14.5 Trong thời gian đương nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị có quyền chuyển nhượng cổ phần của mình nhưng phải đảm bảo số cổ phần còn lại mà mình sở hữu hoặc đại diện sở hữu không nhỏ hơn 1% số cổ phần phổ thông của Công ty.
- 14.6 Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn

chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

- 14.7 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 14.8 Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.
- 14.9 Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- 14.10 Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần khác sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần.

ĐIỀU 15: THỪA KẾ CỔ PHẦN

- 15.1 Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo Luật Dân sự Việt Nam quy định.
- 15.2 Trong trường hợp cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:
 - 15.2.1 Người thừa kế duy nhất theo luật định.
 - 15.2.2 Trong trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.
- 15.3 Khi có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, người có quyền thừa kế được đăng ký làm sở hữu chủ các cổ phần được thừa kế để trở thành cổ đông mới và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế quyền.
- 15.4 Người thừa kế quyền sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Mục 3: CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 16: QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CỔ ĐÔNG

- 16.1 Cổ đông của công ty có thể là những tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc cá nhân đủ 18 tuổi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty và có điều kiện góp vốn đầu tư vào công ty theo luật định. Trong suốt thời gian hoạt động, Công ty luôn có tối thiểu là 03 cổ đông.
- 16.2 Các quyền và lợi ích hợp pháp của người góp vốn dưới hình thức mua cổ phần của Công ty sẽ được Nhà nước công nhận và bảo hộ theo các quy định của pháp luật hiện hành.
- 16.3 Cổ đông được công nhận chính thức sau khi đã đóng đủ tiền mua cổ phần và được ghi tên vào Sổ đăng ký cổ đông lưu giữ tại Công ty.
- 16.4 Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông.

ĐIỀU 17: QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

- 17.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - 17.1.1 Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - 17.1.2 Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - 17.1.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán, tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - 17.1.4 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình trừ các trường hợp quy định tại các khoản 3 Điều 120 và khoản 1 Điều 127 của Luật Doanh nghiệp 2020.
 - 17.1.5 Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần đã góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông loại khác, nếu có;
 - 17.1.6 Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
- 17.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng, có quyền:

- 17.2.1 Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- 17.2.2 Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- 17.2.3 Xem và nhận các bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- 17.2.4 Các quyền khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

ĐIỀU 18: NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG PHỔ THÔNG

- 18.1 Tuân thủ điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty.
- 18.2 Chấp hành nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- 18.3 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: CỔ TỨC

ĐIỀU 19: TRẢ CỔ TỨC

- 19.1 Cổ tức là lợi tức hàng năm được trích từ lợi nhuận của Công ty để trả cho mỗi cổ phần. Công ty chỉ được trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ khác đến hạn phải trả. Công ty có thể tạm ứng cổ tức phù hợp với quy định pháp luật.
- 19.2 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về việc trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện việc trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ số cổ phần của từng loại cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- 19.3 Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

19.4 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp 2020. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

ĐIỀU 20: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán tiền cổ tức trái với quy định tại Điều 19 của điều lệ này thì các cổ đông đã nhận cổ tức phải hoàn trả cho Công ty. Nếu có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại

Mục 5: MUA LẠI CỔ PHẦN

ĐIỀU 21: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CỔ ĐÔNG

21.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng cổ phần của từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề tại khoản này.

21.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông theo quy định khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được giá, thì các bên có quyền yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 22: MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

- 22.1 Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 22.2 Hội đồng quản trị sẽ quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu các cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.
- 22.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại, nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

ĐIỀU 23: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN MUA LẠI

- 23.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán hết các cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 21 và 22 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- 23.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 112 của Luật Doanh nghiệp 2020. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- 23.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ sách kế toán của Công ty giảm hơn 10%, Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết các cổ phần được mua lại.

ĐIỀU 24: THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với qui định tại Điều 23 của Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và các

thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Mục 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 25: CÁC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 25.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 25.2 Các Đại hội đồng cổ đông phải có đủ số lượng cổ đông tham gia tối thiểu quy định tại Điều 26 của bản Điều lệ này.

ĐIỀU 26: ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 26.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 26.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ 1 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần 2 trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần 1 dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần 2 được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 26.3 Trường hợp cuộc họp lần 2 không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ 2 dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.
- 26.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp 2020 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất ba ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- 26.5 Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông, hình thức biểu quyết do Điều lệ Công ty quy định.

ĐIỀU 27: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

- 27.1 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời gian 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 27.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông thường niên:
- 27.2.1 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.
 - 27.2.2 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
 - 27.2.3 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của công ty.
 - 27.2.4 Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.
 - 27.2.5 Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ, trừ những trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định trong Điều lệ Công ty.
 - 27.2.6 Thông qua báo cáo và đề nghị của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, quyết toán năm tài chính; phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; chia cổ tức và trích lập các quỹ; thông qua các báo cáo của Ban kiểm soát.
 - 27.2.7 Thông qua định hướng phát triển công ty, nhiệm vụ chiến lược kinh doanh và đầu tư của năm mới. Quyết định việc liên doanh, hợp tác sản xuất. Xem xét và quyết định giải pháp khắc phục các biến động về tài chính của Công ty.
 - 27.2.8 Quyết định việc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất.
 - 27.2.9 Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
 - 27.2.10 Quyết định việc huy động vốn bằng phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các quan hệ tín dụng có quy mô từ 50% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất.
 - 27.2.11 Quyết định tổng mức thù lao và các quyền lợi khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
 - 27.2.12 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 28: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

- 28.1 Lý do và điều kiện triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường: Trong trường hợp phát sinh vấn đề có tính cấp bách ảnh hưởng đến tổ chức và hoạt động của công ty, Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập theo yêu cầu của một trong các đối tượng sau đây
- 28.1.1 Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 28.1.2 Theo yêu cầu của cổ đông hay nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 17.2 của Điều lệ này.
 - 28.1.3 Theo quyết định của BKS trong trường hợp Hội đồng quản trị ra quyết định vượt thẩm quyền được giao hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp 2020.
 - 28.1.4 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.
- 28.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông bất thường:
- 28.2.1 Quyết định các chủ trương, xử lý các vấn đề bất thường và các tranh chấp, tố tụng nghiêm trọng;
 - 28.2.2 Xem xét những sai phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, bãi miễn và bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên vi phạm điều lệ gây thiệt hại cho Công ty hoặc khi có những lý do chính đáng khác, hoặc khi khiếm khuyết quá tỷ lệ quy định tại điều này;
 - 28.2.3 Biểu quyết sửa đổi, bổ sung điều lệ;
 - 28.2.4 Tuyên bố phá sản hay quyết định thanh lý, giải thể Công ty;
 - 28.2.5 Giải thể chi nhánh và văn phòng đại diện;
 - 28.2.6 Xử lý các vấn đề khẩn cấp khác.

ĐIỀU 29: THỂ THỨC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 29.1 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông:
- 29.1.1 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này.
 - 29.1.2 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập thì Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - 29.1.3 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này có

quyền thay thế Hội đồng quản trị, BKS triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- 29.1.4 Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại.
- 29.1.5 Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, gửi giấy mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định trong Điều lệ này.
- 29.2 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc.
- 29.3 Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.
- 29.4 Ban tổ chức đại hội có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của cổ đông hay người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần hiện diện).
- 29.5 Đại hội thường niên do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể ủy nhiệm cho một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Đại hội đồng cổ đông thành lập thì sáng lập viên đại diện vốn Nhà nước làm chủ tọa. Đại hội bất thường do ai triệu tập thì người đó chủ tọa.
- 29.6 Chủ tọa thông qua đại hội bầu ra Thư ký và Ban kiểm phiếu của đại hội.
- 29.7 Biên bản Đại hội đồng cổ đông được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và hai kiểm phiếu viên sau phiên họp. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ủy viên Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 30: DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 30.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội

đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- 30.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú của cổ đông cá nhân; tên, trụ sở của cổ đông pháp nhân; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.
- 30.3 Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.4 Cổ đông hay nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này có quyền xem danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 30.5 Mỗi cổ đông đều có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 31: CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 31.1 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
- 31.2 Cổ đông hay nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 31.3 Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối các kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều 31 nếu có một trong các trường hợp sau:
 - 31.3.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - 31.3.2 Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
 - 31.3.3 Những trường hợp khác quy định trong điều lệ này.

ĐIỀU 32: QUYỀN DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- 32.1 Cổ đông có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

32.2 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 33: VIỆC ỦY QUYỀN THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

33.1 Cổ đông được phép ủy quyền cho người thay thế tham dự Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được biểu quyết bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được đề cử, ứng cử tại Đại hội đồng cổ đông với tư cách cá nhân của người ủy quyền.

33.2 Người đại diện không nhất thiết là cổ đông của Công ty.

33.3 Việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản, người được ủy quyền phải trình cho ban tổ chức đại hội trước khi khai mạc đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.

33.4 Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải được người đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký và đóng dấu mới có giá trị.

33.5 Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người thứ 3.

33.6 Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng cho Hội đồng quản trị.

ĐIỀU 34: THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

34.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

34.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi:

34.2.1 Được cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hiện diện chấp thuận;

34.2.2 Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi; bổ sung điều lệ công ty; thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; tổ chức lại; giải thể công ty; dự án đầu tư hoặc bán hơn 35% tổng giá trị tài sản trên báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận;

34.2.3 Mỗi cổ đông có số phiếu biểu quyết được tính bằng số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện sở hữu;

34.2.4 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện theo quy định tại mục 34.2.1 và 34.2.2 của Điều khoản này chấp thuận. Trong trường hợp này, đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải tiến hành các công việc sau: quyết định danh mục các vấn đề cần hỏi ý kiến; gửi phiếu hỏi kèm theo ý kiến và tài liệu liên quan đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện kiểm phiếu và lập biên bản về kết quả kiểm phiếu; thông báo kết quả hỏi ý kiến và công bố quyết định được thông qua đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày.

34.3 Quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có quyết định được thông qua. Những quyết định này có hiệu lực thi hành đối với cả các cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

ĐIỀU 35: YÊU CẦU HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua, các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

35.1 Trình tự và thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; ngoại trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

35.2 Nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

ĐIỀU 36: BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

36.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

1. Thời gian, địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Chương trình làm việc;
3. Chủ tọa và thư ký;
4. Tóm tắt các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
5. Các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, số phiếu chấp thuận, số phiếu chống, số phiếu trắng, các vấn đề đã được thông qua;
6. Tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;
7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề được biểu quyết;
8. Họ, tên chữ ký của chủ tọa và thư ký.

36.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 37: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 37.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 37.2 Hội đồng quản trị thông qua quyết nghị bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 37.3 Hội đồng quản trị có từ 03 đến 09 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín. Thành viên Hội đồng quản trị được trúng cử với đa số phiếu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng phải đạt tín nhiệm của cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông hiện diện.
- 37.4 Hội đồng quản trị bầu và bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị và 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị với đa số phiếu bằng thể thức trực tiếp bỏ phiếu kín.

ĐIỀU 38: TIÊU CHUẨN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị phải là người có đủ các điều kiện sau:

1. Có trình độ văn hóa từ tốt nghiệp Phổ thông trung học trở lên, trừ những trường hợp đặc biệt xuất sắc, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;

2. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và Điều lệ công ty;
3. Chưa có tiền án, tiền sự;

Điều 39: NHIỆM KỲ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 39.1 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
- 39.2 Việc thay thế thành viên Hội đồng quản trị phải theo nguyên tắc kế thừa đảm bảo trong Hội đồng quản trị mới có ít nhất 1/3 là thành viên cũ.
- 39.3 Trong nhiệm kỳ, Đại hội đồng cổ đông có thể bãi miễn hoặc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thay thế cho đến hết nhiệm kỳ.

ĐIỀU 40: QUYỀN HẠN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 40.1 Quyết định chiến lược phát triển công ty.
- 40.2 Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
- 40.3 Quyết định phương án đầu tư; duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán các công trình đầu tư; thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; các loại hợp đồng khác có giá trị từ 35% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty được công bố tại quý gần nhất.
- 40.4 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức và quyết định mức lương, các lợi ích khác của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc thì mức lương và thưởng của Giám đốc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 40.5 Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy; quy chế quản lý nội bộ công ty; quyết định thành lập hoặc giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện.

- 40.6 Quyết định giá chào bán cổ phần của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng.
- 40.7 Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại.
- 40.8 Quyết định các định mức kinh tế - kỹ thuật; kế hoạch kinh doanh hàng năm; các dự án phát triển cơ sở vật chất... do Giám đốc công ty đệ trình.
- 40.9 Quyết định ban hành quy chế về: tiền lương, khen thưởng, kỷ luật, tuyển dụng; cho thôi việc nhân viên của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.
- 40.10 Án định về việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền và cách thức sử dụng quỹ theo quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông.
- 40.11 Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ, nghị quyết và các quy định của Hội đồng quản trị.
- 40.12 Xem xét quyết định việc chuyển nhượng các cổ phiếu có ghi danh.
- 40.13 Hội đồng quản trị không được phép trực tiếp hay gián tiếp cho vay, cho mượn tài sản của công ty để thế chấp hay bảo lãnh hộ các đối tượng:
1. Cổ đông của công ty;
 2. Những người trong Hội đồng quản trị, BKS, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty;
 3. Những doanh nghiệp khác mà một hay nhiều chủ doanh nghiệp đang là cổ đông của công ty này.
- 40.14 Thành lập, giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty;
- 40.15 Các quyền khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp;
- 40.16 Quyết định về đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng các hình thức biểu quyết tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 41: TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những việc sau:

- 41.1 Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thành lập, những người được bầu vào các chức danh Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, tài sản, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới quản lý tại doanh nghiệp được cổ phần hóa này. Hội đồng quản trị hoàn tất các thủ tục còn lại và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những việc đó.
- 41.2 Quản trị công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm điều lệ, những sai phạm trong quản trị gây thiệt hại cho Công ty.
- 41.3 Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát toàn bộ các hoạt động kinh doanh của Giám đốc Công ty để đảm bảo thực hiện các nghị quyết, quyết nghị của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông.
- 41.4 Khi có yêu cầu, Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết; trả lời các câu hỏi chất vấn của BKS, các cổ đông và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo luật định và theo Điều lệ.
- 41.5 Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức Đại hội đồng cổ đông định kỳ và bất thường. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.
- 41.6 Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề:
1. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Tăng giảm vốn điều lệ và chuyển nhượng vốn cổ phần.
 2. Kiến nghị các chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty; chiến lược và kế hoạch huy động vốn.
 3. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh, báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức.
 4. Kiến nghị mức cổ tức được trả; thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc quyết định xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
 5. Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung điều lệ công ty; kiến nghị việc tổ chức lại hay giải thể Công ty.
- 41.7 Các trách nhiệm khác được quy định cụ thể theo Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 42: HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 42.1 Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất mỗi quý 01 lần. Trong trường hợp đặc biệt, khoảng cách giữa hai lần họp Hội đồng quản trị cũng không vượt quá 03 tháng. Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc công ty.
- 42.2 Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường theo yêu cầu của:
1. Ban kiểm soát;
 2. Ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
 3. Giám đốc Công ty.
- 42.3 Hội đồng quản trị có quyền thông qua các quyết định bằng việc tiến hành cuộc họp, bằng văn bản có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bằng hỏi ý kiến qua thư tín, qua fax và các phương tiện giao dịch khác được pháp luật thừa nhận.
- 42.3.1 Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị tại cuộc họp:
1. Cuộc họp Hội đồng quản trị có đủ điều kiện tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên tham dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.”
 2. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trong trường hợp phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- 42.3.2 Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng hỏi ý kiến: Thể thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị bằng hỏi ý kiến được thực hiện như thể thức thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định trong Điều lệ này.
- 42.4 Mọi quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị trong mỗi phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và phải được mọi thành viên tham dự thông qua với đầy đủ chữ ký của mỗi thành viên.

ĐIỀU 43: CÁC TRƯỜNG HỢP MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 43.1 Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay đổi người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch, Phó chủ tịch và các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thì phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị của Công ty. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp lại để xem xét và ra quyết định.
- 43.2 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:
1. Chết, mất trí, bị tước quyền công dân;
 2. Từ chức và được Hội đồng quản trị xem xét và chấp thuận;
 3. Không hoàn thành trách nhiệm theo Điều lệ này;
 4. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 5. Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân;
 6. Không còn tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân;
 7. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo quy định của tòa án.
- 43.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo quy định thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) lên thay.
- 43.4 Phó chủ tịch đương nhiệm mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì Hội đồng quản trị bầu Phó Chủ tịch thay thế.
- 43.5 Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị theo qui định thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị phải cử ngay một người trong số họ để đảm nhiệm công việc của Chủ tịch. Nếu số thành viên Hội đồng quản trị còn lại không đủ 2/3 số thành viên theo qui định thì các thành viên này phải cùng Ban kiểm soát cử ngay một người trong số họ đảm nhận công việc của Chủ tịch Hội đồng quản trị và triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu đủ số lượng vào chức danh Hội đồng quản trị.
- 43.6 Trường hợp giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong điều lệ này thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung. Mọi trường hợp khuyết thành

viên Hội đồng quản trị khác sẽ chờ Đại hội đồng cổ đông gần nhất bầu thành viên mới thay thế cho thành viên đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

ĐIỀU 44: PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN GIỮA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

44.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm và quyền hạn sau:

1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị và phân công các thành viên thực hiện việc kiểm tra giám sát hoạt động của Công ty;
2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ hội họp, triệu tập và chủ tọa các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị;
3. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị cho những hình thức khác ngoài hình thức hội họp;
4. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông
6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của Luật Doanh nghiệp.

44.2 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt, hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch hoặc ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.

44.3 Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ đã được Hội đồng quản trị phân công, không được ủy quyền cho người khác những nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị như sau:

1. Nghiên cứu, đánh giá tình hình kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ;
2. Được quyền yêu cầu các cán bộ chức danh trong công ty cung cấp đầy đủ mọi thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, về hoạt động của Công ty và của các đơn vị trong Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình;
3. Tham dự phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những ý kiến và hành vi của mình;

4. Nghiêm túc thực hiện điều lệ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan đến từng thành viên và theo sự phân công, phân nhiệm của Hội đồng quản trị;
5. Người trực tiếp quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Chương 4 của Luật Doanh nghiệp 2020.

ĐIỀU 45: QUYỀN LỢI CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng quản trị hưởng thù lao và được đài thọ các chi phí cần thiết khác. Mức thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Mục 3: BAN GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC

ĐIỀU 46: BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

- 46.1 Bộ máy điều hành Công ty, gồm có: Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các trưởng, phó phòng ban, bộ phận.
 - 46.1.1 Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.
 - 46.1.2 Giúp việc cho Giám đốc có các Phó Giám đốc điều hành một hoặc một số lãnh vực hoạt động của Công ty. Phó giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc và cùng chịu trách nhiệm liên đới với Giám đốc trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công hoặc ủy nhiệm.
 - 46.1.3 Các Trưởng, Phó phòng, Ban nghiệp vụ và các Trưởng đơn vị trực thuộc có chức năng tham mưu giúp việc Giám đốc trong quản lý điều hành công việc và chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc.
- 46.2 Lương và phụ cấp của Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị ấn định theo qui chế lao động, tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt trong công ty đã được Hội đồng quản trị quyết nghị.

ĐIỀU 47: GIÁM ĐỐC

- 47.1 Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Giám đốc thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật công ty theo các quy định tại Điều 12 và Điều 13 của Luật Doanh nghiệp 2020.
- 47.2 Giám Đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và ủy nhiệm các quyền hạn cần thiết để thi hành các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quyết định của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 47.3 Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Giám đốc thì Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Giám đốc từ một trong số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác.
- 47.4 Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng có thể bị bãi nhiệm hoặc cách chức trong các trường hợp sau:
1. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 2. Từ chức và được Hội đồng quản trị xem xét chấp thuận;
 3. Tự ý bỏ nhiệm sở, hoặc điều hành Công ty vi phạm pháp luật, điều lệ của Công ty và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông;
 4. Xét thấy không đủ năng lực để đảm nhiệm các chức vụ điều hành công ty;
 5. Trở thành đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý DN theo Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020.
 6. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo qui định của tòa án;
 7. Việc cách chức, bãi miễn nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng phải có sự nhất trí của trên 2/3 thành viên Hội đồng quản trị trừ các trường hợp được qui định tại các Điểm 1, 3, 5, 6 nói trên.

Trong trường hợp Giám đốc bị bãi nhiệm hoặc cách chức, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhiệm công việc của Giám đốc.

ĐIỀU 48: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA GIÁM ĐỐC

- 48.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, chấp hành luật pháp trong mọi hoạt động;



- 48.2 Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, ngoại trừ những quyết định trái với Pháp luật, Điều lệ công ty và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 48.3 Bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh do Hội đồng quản trị quyết định.
- 48.4 Quyết định lương, thưởng, phạt và các chế độ phúc lợi đối với người lao động trong Công ty, các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.
- 48.5 Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình hoạt động và các phương án bảo vệ, cạnh tranh, khai thác nguồn lực của Công ty, các phương án huy động vốn cho Công ty để đệ trình Hội đồng quản trị phê duyệt.
- 48.6 Ban hành các chính sách, tiêu chuẩn đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và phù hợp theo điều kiện kinh tế từng thời kỳ.
- 48.7 Đầu tư trực tiếp vào các dự án hợp tác đầu tư với các bên trong và ngoài nước bằng nguồn vốn do Công ty quản lý, phù hợp với phân cấp của Hội đồng quản trị.
- 48.8 Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá nguyên liệu vật tư và giá dịch vụ trong nội bộ Công ty. Thực hiện và kiểm tra các Phòng ban, các đơn vị trực thuộc thực hiện các quyết định về định mức, tiêu chuẩn, đơn giá,...
- 48.9 Chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận còn lại của Công ty đệ trình Hội đồng.
- 48.10 Xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt phương án điều chỉnh tổ chức, thành lập hoặc giải thể các đơn vị trực thuộc Công ty.
- 48.11 Ban hành các quyết định, ký kết các hợp đồng kinh tế theo sự phân cấp quản lý của Hội đồng quản trị; tổ chức, điều hành, phối hợp và kiểm tra các hoạt động của Công ty theo phương hướng và kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra. Đề xuất với Hội đồng quản trị cách giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài kế hoạch, chương trình.
- 48.12 Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật Phó Giám đốc và Kế toán trưởng. Phân công, ủy nhiệm các Phó Giám đốc phụ trách từng lĩnh vực hoạt động.

- 48.13 Thực hiện chế độ báo cáo quý, năm hoặc báo cáo đột xuất với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- 48.14 Chuẩn bị đầy đủ các báo cáo theo chương trình nghị sự Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị hoặc do Ban kiểm soát yêu cầu.
- 48.15 Đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường để giải quyết những vấn đề vượt quá quyền hạn Giám đốc hoặc những biến động lớn trong Công ty.
- 48.16 Được đưa ra các quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về những quyết định đó đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để giải quyết tiếp.
- 48.17 Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị ủy nhiệm.
- 48.18 Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn khác theo pháp luật.

ĐIỀU 49: TIÊU CHUẨN TUYỂN CHỌN GIÁM ĐỐC

1. Phải có trình độ học vấn, có kinh nghiệm trong điều hành quản lý chuyên ngành kinh doanh của Công ty.
2. Chưa từng có tiền án, tiền sự.
3. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và Điều lệ Công ty.
4. Không được làm việc ở bất cứ đơn vị sản xuất kinh doanh và dịch vụ nào khác, trừ trường hợp với cương vị đại diện vốn của công ty đầu tư ra ngoài doanh nghiệp.
5. Giám đốc và vợ (hoặc chồng), bố, mẹ, con của người đó không được lập các công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân và cơ sở sản xuất kinh doanh để tiến hành hoạt động kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề chính của Công ty.

ĐIỀU 50: ỦY QUYỀN, ỦY NHIỆM

- 50.1 Giám đốc Công ty có thể ủy quyền, ủy nhiệm cho các Phó Giám đốc hoặc người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm pháp lý trước ủy quyền, ủy nhiệm của mình (có văn bản).
- 50.2 Người được Giám đốc ủy quyền, ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm pháp lý trước Giám đốc và trước pháp luật về những công việc mình làm.
- 50.3 Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

ĐIỀU 51: TỪ NHIỆM VÀ ĐƯƠNG NHIÊN MẤT TƯ CÁCH GIÁM ĐỐC

- 51.1 Khi Giám đốc muốn từ nhiệm phải có đơn gửi Hội đồng quản trị; trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, Hội đồng quản trị xem xét và quyết định;
- 51.2 Giám đốc đương nhiên mất tư cách Giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp:
 1. Tự ý bỏ nhiệm sở;
 2. Trở thành các đối tượng bị hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 2020.
 3. Công ty cổ phần bị giải thể trước thời hạn theo qui định của tòa án.
- 51.3 Trong trường hợp Giám đốc bị mất tư cách, Hội đồng quản trị phải cử ngay một người có đủ điều kiện để đảm nhiệm công việc của Giám đốc.

Mục 4: BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 52: BAN KIỂM SOÁT

- 52.1 Ban kiểm soát là những người thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và quản trị của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Giám đốc.
- 52.2 Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thực hiện nhiệm vụ.

- 52.3 Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc bãi nhiệm, miễn nhiệm với số phiếu được quy định tại mục 34.2.1 và 34.2.2 Điều 34 của Điều lệ này bằng thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- 52.4 Ban kiểm soát tự bầu ra thành viên làm Trưởng Ban kiểm soát. Ban kiểm soát được hưởng lương cho việc kiểm tra thường xuyên và được hưởng thù lao theo yêu cầu phát sinh đột xuất. Tổng mức thù lao cho Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Các chi phí cho Ban kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý Công ty.

ĐIỀU 53: TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- 53.1 Trưởng Ban kiểm soát phải là cổ đông của Công ty hoặc đại diện cho cổ đông là pháp nhân.
- 53.2 Thành viên Ban kiểm soát phải có trình độ đại học, am hiểu công việc kinh doanh của Công ty trong đó có ít nhất một thành viên có trình độ chuyên môn về tài chính kế toán.
- 53.3 Những người không được làm thành viên Ban kiểm soát:
1. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty và những người là vợ chồng, bố mẹ, con và anh chị em ruột của các đối tượng này;
 2. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề vì phạm các tội: buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội danh khác theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 54: NHIỆM KỲ CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 54.1 Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
- 54.2 Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung theo như quy định tại khoản 3 Điều 52 của Điều lệ này.

ĐIỀU 55: TỪ CHỨC, TỪ NHIỆM VÀ MẤT TƯ CÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

- 55.1 Thành viên Ban kiểm soát muốn từ nhiệm hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang làm thành viên Ban kiểm soát thì phải gửi văn bản đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn hoặc văn bản, Hội đồng quản trị sẽ họp lại để xem xét và ra quyết định.
- 55.2 Thành viên Ban kiểm soát đương nhiên bị mất tư cách khi xảy ra một trong các trường hợp như thành viên Hội đồng quản trị được qui định tại điều lệ này.
- 55.3 Trong trường hợp khuyết chức danh Trưởng Ban kiểm soát thì một trong hai thành viên Ban kiểm soát còn lại sẽ tạm thay thế.
- 55.4 Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát mà thành viên còn lại không có chuyên môn về tài chính kế toán thì Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để bầu bổ sung.

ĐIỀU 56: NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

- 56.1 Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên còn lại phụ trách từng loại công việc kiểm soát.
- 56.2 Ban kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau (theo Điều 170 LDN 2020):
- 56.2.1 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán, các báo cáo tài chính, và các sổ sách quan trọng khác như: sổ danh sách cổ đông, sổ ghi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, họp Hội đồng quản trị,.. và kiến nghị xử lý, khắc phục các sai phạm nếu có.
- 56.2.2 Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty:
1. Khi các thành viên Ban kiểm soát xét thấy cần thiết;
 2. Khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 3. Khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 4. Khi có yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông đại diện cho trên 0.5% vốn điều lệ.
- 56.2.3 Việc kiểm tra quy định tại các điểm 56.2.1 và 56.2.2 nêu trên không được gây cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị,

- không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty.
- 56.2.4 Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông:
- 56.2.5 Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông:
1. Về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ, lập sổ kế toán, báo cáo tài chính và các báo cáo khác;
 2. Về tính trung thực, hợp pháp, tính tuân thủ điều lệ trong việc ban hành các quy chế, các quyết định quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.
- 56.3 Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 56.4 Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ Công ty cung cấp đầy đủ kịp thời thông tin tài liệu số liệu và giải trình về các hoạt động kinh doanh của công ty.
- 56.5 Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của Hội đồng quản trị thì Ban kiểm soát có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản phiên họp và được trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- 56.6 Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Giám đốc với các ý kiến độc lập của mình; chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thiệt hại (nếu có).
- 56.7 Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường.
- 56.8 Từng thành viên Ban kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty.
- 56.9 Sau khi được Đại hội đồng cổ đông thành lập, Ban kiểm soát bắt đầu tiến hành kiểm soát ngay quá trình triển khai và hoàn tất thủ tục thành lập công ty cho đến khi đăng ký kinh doanh xong và Công ty đi vào hoạt động chính thức.

56.10 Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Mục 5: QUY ĐỊNH CHUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

ĐIỀU 57: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

- 57.1 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng qui định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, qui định của Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 57.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của công ty.
- 57.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 57.4 Thông báo kịp thời đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty, nếu có.

Ngoài các nghĩa vụ trên, Hội đồng quản trị, Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

ĐIỀU 58: CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT

58.1 Các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty, cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần có quyền biểu quyết và với những người có liên quan của họ chỉ được ký kết theo quy định sau đây:

- 58.1.1 Đối với các hợp đồng có trị giá lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất, thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc cổ đông có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;

58.1.2 Đối với các hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Công ty được công bố tại quý gần nhất, thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị có người liên quan là bên ký hợp đồng không có quyền biểu quyết;

58.2 Trường hợp các hợp đồng nói trên được ký mà chưa có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông hay Hội đồng quản trị thì hợp đồng đó vô hiệu và được xử lý theo quy định của Pháp luật. Những người gây thiệt hại cho công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường.

ĐIỀU 59: CHẾ ĐỘ VÀ QUYỀN LỢI, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

59.1 Việc tuyển dụng người lao động và trả lương thực hiện theo chế độ hợp đồng lao động giữa Giám đốc (hoặc người được giám đốc ủy quyền) và người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước.

59.2 Chế độ và quyền lợi người lao động làm việc tại Công ty:

59.2.1 Khi chuyển sang Công ty cổ phần mọi chế độ như BHXH, BHYT, đào tạo nâng cao tay nghề và các chế độ khác ... theo đúng quy định pháp luật và được Công ty cổ phần tiếp tục thực hiện.

59.2.2 Khi Công ty cổ phần có nhu cầu tổ chức lại hoạt động kinh doanh, thay đổi cơ cấu dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với người lao động được giải quyết theo những quy định hiện hành của Nhà nước.

59.3 Nghĩa vụ của người lao động:

1. Chấp hành kỷ luật lao động, nội quy của Công ty đề ra;
2. Thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết, chịu trách nhiệm trong công việc đã được phân công;
3. Tham gia đóng góp ý kiến với Hội đồng quản trị, Giám đốc... và hợp lý hóa sản xuất, cải tiến kỹ thuật;
4. Thực hiện phê và tự phê, kiên quyết đấu tranh với các việc làm sai trái với cá nhân làm không đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quyết định của đại hội đồng cổ đông. Xây dựng tập thể đoàn kết, nội bộ trong sạch vững mạnh, đưa công ty ngày càng phát triển.

59.4 Khen thưởng: Người quản lý, người lao động trong Công ty và cá nhân, đơn vị ngoài công ty có thành tích trong kinh doanh, có công bảo vệ, xây dựng và phát triển công ty sẽ được Công ty khen thưởng. Hình thức và mức độ khen thưởng theo Quy định của công ty.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

ĐIỀU 60: HẠCH TOÁN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

- 60.1 Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự quản về tài chính, tự cân đối các khoản thu chi, có trách nhiệm bảo toàn và làm sinh lợi các nguồn vốn của Công ty.
- 60.2 Trách nhiệm vật chất của Công ty trong các mối quan hệ về kinh tế cũng như quan hệ dân sự được giới hạn ở mức vốn điều lệ của Công ty công bố mỗi khi có sự thay đổi.
- 60.3 Công ty phải tuân thủ mọi chế độ kế toán, thống kê và lập sổ sách, báo biểu theo đúng luật hiện hành.
- 60.4 Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc ngày 31 tháng 03 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm đó.
- 60.5 Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Giám đốc phải hoàn thành các báo cáo tài chính và gửi đến Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để xem xét, chuẩn bị họp Đại hội đồng cổ đông.
- 60.6 Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông các tài liệu về tài chính của công ty, gồm:
 1. Các báo cáo tài chính: Bảng kiểm kê tài sản; Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả kinh doanh, ghi rõ lãi lỗ của từng ngành kinh doanh và từng đơn vị trực thuộc; Bảng lưu chuyển tiền tệ... và các bảng giải trình, phân tích tình hình tài chính Công ty.
 2. Báo cáo thẩm tra của của Ban kiểm soát về các báo cáo tài chính.
 3. Các phương án xử lý lỗ hoặc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức trả cổ tức...
- 60.7 Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị và Giám đốc phải hoàn chỉnh các báo cáo tài chính sau Đại hội đồng cổ đông để gửi đến cơ quan thuế và các cơ quan có thẩm quyền.

ĐIỀU 61: CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

61.1 Sau đại hội, các văn bản này cùng biên bản Đại hội đồng cổ đông và tất cả các chứng từ có liên quan phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty với thời gian theo luật định. Về chứng từ, tài liệu kế toán, thực hiện lưu trữ theo Luật Kế toán.

61.2 Các tài liệu cần lưu giữ bao gồm:

1. Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quy chế quản lý nội bộ công ty; Sổ đăng ký cổ đông.
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;
3. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Các quyết định đã thông qua;
5. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;
6. Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập (nếu có);
7. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;
8. Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 62: LỢI NHUẬN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

62.1 Theo các quy định về chế độ tài chính do nhà nước ban hành đối với các công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty gồm:

1. Lợi nhuận trước thuế bằng (=) Tổng thu nhập trừ (-) Tổng chi phí
2. Lợi nhuận sau thuế bằng (=) Lợi nhuận trước thuế (-) Các khoản thuế và mang tính chất thuế phải nộp cho Nhà nước theo pháp luật hiện hành.

62.2 Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật.

62.3 Trước khi phân chia cổ tức cho các cổ đông phải trích nộp các quỹ.

62.4 Các quỹ hình thành từ lợi nhuận ròng bao gồm:

1. Quỹ dự phòng tài chính 5% lợi nhuận ròng sau thuế để bổ sung vốn điều lệ cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của công ty.
2. Các quỹ không bắt buộc: quỹ phát triển sản xuất, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bảo tồn vốn, ... Các quỹ này hàng năm do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

62.5 Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định cho từng năm.

ĐIỀU 63: XỬ LÝ TRONG TRƯỜNG HỢP KINH DOANH THUA LỖ

63.1 Trong trường hợp Công ty kinh doanh bị thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo 2 phương án sau:

1. Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ;
2. Chuyển một phần lỗ sang năm sau theo các quy định của Luật kế toán, đồng thời Đại hội đồng cổ đông phải quyết định các biện pháp khắc phục.

63.2 Trường hợp Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhiều năm mà vẫn không khắc phục được bằng biện pháp tài chính cần thiết thì Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét quyết định các biện pháp xử lý theo Luật phá sản doanh nghiệp.

ĐIỀU 64: KIỂM TOÁN TỪ BÊN NGOÀI

64.1 Báo cáo tài chính cuối năm của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận về tính chính xác, trung thực, hợp pháp và hợp lý trước khi trình Đại hội đồng cổ đông sẽ xem xét và thông qua.

64.2 Ngoài việc kiểm tra định kỳ hàng năm, nếu có yêu cầu của Hội đồng cổ đông, hoặc của Hội đồng quản trị, hoặc của Ban kiểm soát, Công ty có thể mời một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán từng phần hoặc toàn phần hoạt động của Công ty, tùy theo yêu cầu của vụ việc cần kiểm toán. Phí tổn kiểm toán do Công ty đài thọ.

64.3 Nếu một cổ đông bất kỳ nào muốn mời một tổ chức kiểm toán độc lập khác để tiến hành kiểm toán phúc tra các kết quả kiểm toán ở khoản 2 nói trên, cổ đông này được quyền mời và tự chịu kinh phí kiểm toán. Công ty có trách nhiệm hợp tác bằng cách cho phép tổ chức kiểm toán độc lập này tham khảo sổ sách và các tài liệu cần thiết.

ĐIỀU 65: CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN

65.1 Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

- 65.2 Mọi tổ chức, cá nhân có quyền xem hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm của Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh và phải trả phí.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, THANH LÝ, TRANH TỤNG

ĐIỀU 66: TỔ CHỨC LẠI

- 66.1 Khi cần thiết, Công ty có thể được tổ chức lại phù hợp với qui định của Luật Doanh nghiệp.
- 66.2 Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị các phương án tổ chức lại Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

ĐIỀU 67: GIẢI THỂ

Công ty có thể bị giải thể trong các trường hợp sau:

- 67.1 Khi có lý do chính đáng, Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng bất thường quyết định giải thể Công ty;
- 67.2 Công ty không còn đủ số cổ đông tối thiểu theo qui định của Luật DN trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- 67.3 Tòa án và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty;
- 67.4 Trường hợp Công ty bị lỗ đến $\frac{3}{4}$ vốn điều lệ, mọi cổ đông đều có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường để xem xét và quyết định việc giải thể Công ty.

ĐIỀU 68: THỦ TỤC GIẢI THỂ

- 68.1 Khi đã hội đủ điều kiện giải thể, Hội đồng quản trị có trách nhiệm làm đơn xin giải thể Công ty và thông báo rộng rãi đến mọi đối tượng có liên quan, đặc biệt là các cổ đông của Công ty.
- 68.2 Sau khi có quyết định giải thể Công ty của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải tiến hành đúng trình tự và thủ tục theo luật định nh sau:

1. Thanh lý mọi hợp đồng của Công ty ký kết với các cá nhân và tổ chức khác;
2. Thu hồi tất cả các tài sản của Công ty;
3. Kiểm tra đánh giá lại toàn bộ tài sản của Công ty và kêu gọi đấu giá bán các tài sản đó;
4. Thanh toán mọi khoản nợ của Công ty;
5. Chia tài sản còn lại (đã qui ra tiền) cho các cổ đông theo tỉ lệ số cổ phần.

ĐIỀU 69: THANH LÝ

- 69.1 Khi có Quyết định giải thể Công ty, Đại hội đồng cổ đông sẽ lập Hội đồng thanh lý thay thế Hội đồng quản trị để cùng Ban kiểm soát làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian qui định và theo thể lệ tài chính hiện hành.
- 69.2 Trong thời gian thanh lý, các thành viên và Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xử lý các vấn đề xét thấy cần thiết phải có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

ĐIỀU 70: TỔ TỤNG, TRANH CHẤP

- 70.1 Công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp.
- 70.2 Trong thời gian hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của cơ quan chức năng theo luật định.
- 70.3 Mọi cổ đông đều có quyền khiếu nại đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. Nếu Hội đồng quản trị bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG VÀ CÁC QUI ĐỊNH KHÁC

ĐIỀU 71: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Công ty được chính thức hoạt động khi đã làm đủ thủ tục sau đây:

1. Xác nhận danh sách cổ đông đã đăng ký mua hết cổ phần phát hành và đóng đủ tiền theo qui định của Nhà nước hoặc có tổ chức tài chính bảo lãnh bao tiêu hết số cổ phần còn lại;
2. Đại hội đồng cổ đông đã bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và họ đã nhận nhiệm vụ;
3. Đại hội đồng cổ đông đã thảo luận và thông qua toàn bộ các điều khoản trong bản Điều lệ;
4. Đã giao quyền quản trị Công ty cho Hội đồng quản trị;
5. Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm xong Giám đốc, các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;
6. Hoàn tất các thủ tục với các cơ quan nhà nước theo luật pháp.

ĐIỀU 72: CON DẤU

72.1 Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu qui định thống nhất của Bộ Công an. Trước khi sử dụng, con dấu phải được đăng ký tại cơ quan công an có thẩm quyền, cơ quan đăng ký kinh doanh và các ngân hàng thương mại nơi Công ty có mở tài khoản giao dịch.

72.2 Tất cả các văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có con dấu của Công ty trên các chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc của Giám đốc. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty chỉ được sử dụng con dấu khi có sự ủy quyền bằng văn bản của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám Đốc. Hội đồng quản trị giao Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của pháp luật.

ĐIỀU 73: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

73.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

73.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

ĐIỀU 74: NGÀY HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

74.1 Bản điều lệ này gồm 07 (bảy) Chương, 74 (bảy mươi bốn) Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Kho vận Petec nhất trí thông qua ngày 17 tháng 07 năm 2024 tại Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2024 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.



- 74.2 Điều lệ được lập thành ba (03) bản, có giá trị pháp lý như nhau, trong đó: một (01) bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và hai (02) bản được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.
- 74.3 Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 74.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị và được đóng dấu của Công ty Cổ phần Kho vận Petec.

Bình Dương, ngày 17 tháng 07 năm 2024

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC

